

BÀI 1 (16 Câu)

- Câu 1. Nội dung giáo dục QPAN Học phần I là những vấn đề cơ bản về đường lối:
- A. Quân sự của Đảng
 - B. Cách mạng của Đảng**
 - C. Quốc phòng, an ninh của Đảng
 - D. Chiến lược quân sự của Đảng
- Câu 2. Một trong những điều kiện để sinh viên được dự thi kết thúc học phần là có đủ:
- A. 80% thời gian học tập trên lớp**
 - B. 75% thời gian học tập trên lớp
 - C. 90% thời gian học tập trên lớp
 - D. 70% thời gian học tập trên lớp
- Câu 3. Nội dung giáo dục QPAN Học phần II là những vấn đề cơ bản về công tác:
- A. Quốc phòng, an ninh**
 - B. Phòng thủ quốc gia
 - C. Xây dựng nền quốc phòng
 - D. Xây dựng nền an ninh
- Câu 4. Nội dung giáo dục QPAN Học phần III là những vấn đề cơ bản về:
- A. Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK**
 - B. Các môn kỹ thuật, chiến thuật, học thuật quốc phòng, an ninh
 - C. Chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu và đội hình, đội ngũ đơn vị
 - D. Các môn chung về quân sự, an ninh và bắn súng tiểu liên AK
- Câu 5. Chứng chỉ giáo dục QPAN là một trong những điều kiện để:
- A. Xét tốt nghiệp cao đẳng, đại học**
 - B. Tính điểm trung bình các môn học
 - C. Xét cấp học bổng cho sinh viên
 - D. Xếp loại học lực của sinh viên
- Câu 6. Một trong những điều kiện để sinh viên được dự thi kết thúc học phần là:
- A. Có điểm các lần kiểm tra đạt từ 5 điểm trở lên**
 - B. Có đầy đủ điểm của các lần kiểm tra
 - C. Có đủ 70% thời gian học tập trên lớp
 - D. Có đủ trên 50% thời gian học tập trên lớp
- Câu 7. Đối tượng được miễn học môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:
- A. Có bằng tốt nghiệp sỹ quan quân đội, công an**
 - B. Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự
 - C. Bị ốm đau, tai nạn đang đi điều trị tại bệnh viện
 - D. Thuộc lực lượng dân quân tự vệ thường trực
- Câu 8. Phương pháp được sử dụng để nghiên cứu giáo dục quốc phòng- an ninh:
- A. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết**
 - B. Phương pháp nghiên cứu tổng hợp
 - C. Phương pháp nghiên cứu thực tế
 - D. Phương pháp nghiên cứu giả thuyết
- Câu 9. Đối tượng được tạm hoãn môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:
- A. Bị ốm đau, tai nạn, thai sản**
 - B. Thuộc dân quân cơ động của địa phương
 - C. Thuộc lực lượng tự vệ của cơ quan
 - D. Đã tham gia nghĩa vụ quân sự
- Câu 10. Đối tượng được miễn học môn học giáo dục QPAN là học sinh, sinh viên:
- A. Người nước ngoài**
 - B. Đã tham gia dân quân tự vệ
 - C. Bị ốm đau, tai nạn

D. Đã tham gia nghĩa vụ quân sự

Câu 11. Các quan điểm của Đảng về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiến hành chiến tranh nhân dân đầu có tính kế thừa và phát triển những truyền thống:

- A. Quân sự độc đáo của dân tộc
- B. Dựng nước, giữ nước của ông cha
- C. Đoàn kết toàn dân đánh giặc
- D. Tinh thần yêu nước nồng nàn

Câu 12. Quá trình nghiên cứu, phát triển giáo dục QPAN, phải nắm vững và vận dụng các quan điểm:

- A. Quan điểm hệ thống; quan điểm lịch sử, lô gic; quan điểm thực tiễn
- B. Quan điểm tổng thể; quan điểm lịch sử, lô gic; quan điểm thực tế
- C. Quan điểm thống nhất; quan điểm lịch sử, cụ thể; quan điểm thực tiễn
- D. Quan điểm tổng quát; quan điểm lịch sử, lô gic; quan điểm thực hành

Câu 13. Đối tượng được miễn học thực hành kỹ năng quân sự là học sinh, sinh viên:

- A. Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự
- B. Bị ốm đau, tai nạn, thai sản
- C. Người nước ngoài học tại Việt Nam
- D. Đã hoàn thành nghĩa vụ dân quân

Câu 14. Cơ sở phương pháp luận chung nhất của việc nghiên cứu giáo dục QP, AN là:

- A. Học thuyết Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
- B. Chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh
- C. Triết học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh
- D. Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng

Câu 15. Trong nghiên cứu lĩnh vực các kiến thức, kỹ năng QPAN cần sử dụng kết hợp phương pháp dạy học:

- A. Lý thuyết và thực hành
- B. Kỹ thuật và chiến thuật
- C. Lý luận và thực tiễn
- D. Học tập và rèn luyện

Câu 16. Cơ sở lý luận để Đảng ta đề ra chủ trương, đường lối chiến lược xây dựng nền QPTD, xây dựng LLVTND và tiến hành chiến tranh BVTQ là học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về

- A. Chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc
- B. Cách mạng và giải phóng dân tộc
- C. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp
- D. Đấu tranh giành và giữ chính quyền

BÀI 2 (67 Câu)

Câu 1. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, chiến tranh là một hiện tượng:

- A. Chính trị-xã hội
- B. Tự nhiên-xã hội
- C. Lịch sử-xã hội
- D. Lịch sử-tự nhiên

Câu 2. Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất:

- A. Giai cấp công nhân
- B. Của người nông dân
- C. Giai cấp công, nông
- D. Nhân dân lao động

Câu 3. Lênin xác định nguyên tắc đoàn kết quân dân trong xây dựng quân đội là:

- A. Đoàn kết thống nhất quân đội với nhân dân
- B. Gắn bó H ồng quân với nhân dân lao động
- C. Nhất trí quân dân với lực lượng tiến bộ thế giới
- D. Đoàn kết nhất trí nhân dân với quân đội

Câu 4. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, chức năng của QĐND Việt Nam là:

- A. Đội quân chiến đấu, đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất
- B. Đội quân công tác, đội quân chiến đấu và đội quân xây dựng
- C. Đội quân chiến đấu, đội quân sản xuất, đội quân tuyên truyền
- D. Đội quân xây dựng, đội quân công tác, đội quân an ninh trật tự

Câu 5. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định chiến tranh xuất hiện từ khi:

- A. Xuất hiện chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất
- B. Xuất hiện và tồn tại mâu thuẫn giữa các tập đoàn người
- C. Loài người xuất hiện mâu thuẫn trong quá trình sản xuất
- D. Thế giới xuất hiện các tôn giáo và mâu thuẫn trong xã hội

Câu 6. Bản chất giai cấp của quân đội theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là bản chất của:

- A. Giai cấp, nhà nước đã tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội đó
- B. Giai cấp, nhà nước tổ chức, nuôi dưỡng và huấn luyện quân đội đó
- C. Nhân dân lao động và giai cấp đang lãnh đạo đối với quân đội đó
- D. Nhà nước, đảng phái đã sinh ra, nuôi dưỡng và sử dụng quân đội đó

Câu 7. Nguồn gốc sâu xa nảy sinh chiến tranh theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là:

- A. Nguồn gốc kinh tế
- B. Nguồn gốc xã hội
- C. Nguồn gốc giai cấp
- D. Nguồn gốc chính trị

Câu 8. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ Tổ quốc XHCN:

- A. Một tất yếu khách quan
- B. Nhiệm vụ thường xuyên
- C. Cấp thiết trước mắt
- D. Nhiệm vụ khách quan

Câu 9. Nguyên tắc cơ bản về xây dựng quân đội kiểu mới của Lênin:

- A. Đảng cộng sản lãnh đạo H ồng quân tăng cường bản chất giai cấp công nhân
- B. Giữ vững quan điểm giai cấp công nhân trong xây dựng quân đội Xô viết
- C. Tính kỷ luật cao là yếu tố quyết định sức mạnh chiến đấu của H ồng quân

- D. Quân đội chính quy, hiện đại, phải luôn trung thành với giai cấp lãnh đạo
- Câu 10. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự vận dụng sáng tạo Học thuyết Bảo vệ Tổ quốc XHCN của V.I. Lênin vào:
- A. Tình hình thực tiễn của cách mạng Việt Nam
- B. Điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam
- C. Hoàn cảnh thực tế của cách mạng Việt Nam
- D. Tình hình cụ thể của cách mạng Việt Nam
- Câu 11. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng là:
- A. Nguồn gốc ra đời của quân đội
- B. Cơ sở sinh ra lực lượng vũ trang
- C. Nguồn gốc ra đời của chế độ xã hội
- D. Cơ sở hình thành nên sự thống trị
- Câu 12. Căn cứ vào nguồn gốc nảy sinh chiến tranh của chủ nghĩa Mác-Lênin thì chiến tranh xuất hiện vào:
- A. Thời kỳ chiếm hữu nô lệ
- B. Thời kỳ tư bản chủ nghĩa
- C. Thời kỳ phong kiến
- D. Thời kỳ chủ nghĩa đế quốc
- Câu 13. Nhân tố quyết định bản chất giai cấp của Quân đội nhân dân Việt Nam là:
- A. Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Đường lối cách mạng Việt Nam
- C. Tư tưởng Hồ Chí Minh
- D. Chế độ XHCN
- Câu 14. Vai trò lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN thuộc về
- A. Đảng Cộng sản Việt Nam
- B. Quần chúng nhân dân lao động
- C. Các đoàn thể, tổ chức chính trị
- D. Hệ thống chính trị trong xã hội
- Câu 15. Tư tưởng Hồ Chí Minh xác định bảo vệ Tổ quốc XHCN là:
- A. Nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân
- B. Nghĩa vụ và vinh dự cao quý của công dân
- C. Trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi công dân
- D. Trách nhiệm và quyền lợi của mọi công dân
- Câu 16. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Quân đội ta có sức mạnh vô địch vì nó là:
- A. Một quân đội nhân dân do Đảng ta xây dựng, Đảng ta lãnh đạo và giáo dục
- B. Quân đội chính quy, cách mạng do Đảng lãnh đạo, giáo dục và chỉ huy
- C. Một đội quân chiến đấu kiên cường do Nhà nước quản lý, chỉ huy và giáo dục
- D. Quân đội nhân dân anh hùng kế thừa truyền thống bất khuất chống ngoại xâm
- Câu 17. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và coi đó là:
- A. Cơ sở, nền tảng để xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện
- B. Điều kiện cần thiết để xây dựng quân đội nhân dân cách mạng
- C. Cơ sở, nền tảng hình thành nên quân đội nhân dân anh hùng
- D. Yếu tố cần thiết để xây dựng quân đội vững mạnh mọi mặt

Câu 18. Chức năng cơ bản, thường xuyên của Quân đội ta là:

- A. **Đội quân chiến đấu**
- B. Đội quân lao động
- C. Đội quân công tác
- D. Đội quân huấn luyện

Câu 19. Khi nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát bằng hình ảnh:

- A. **Con đĩa hai vôi**
- B. Con rắn hút máu
- C. Con đĩa hút máu
- D. Con rắn hai đầu

Câu 20. Câu nói “Đi dân nhớ, ở dân thương”, được đúc kết từ thực tiễn của Quân đội ta trong thực hiện chức năng:

- A. **Đội quân công tác**
- B. Đội quân lao động
- C. Đội quân dân vận
- D. Đội quân tuyên truyền

Câu 21. Câu nói của Lênin “giành chính quyền đã khó, nhưng giữ được chính quyền còn khó khăn hơn” thể hiện quan điểm về

- A. **Bảo vệ Tổ quốc XHCN**
- B. Xây dựng Tổ quốc XHCN
- C. Giữ gìn Tổ quốc XHCN
- D. Củng cố chính quyền Xô-viết

Câu 22. Chiến tranh là kết quả của những mối quan hệ giữa những tập đoàn người có lợi ích cơ bản đối lập nhau, được thể hiện dưới một hình thức đặc biệt, sử dụng một công cụ đặc biệt, đó là:

- A. **Bạo lực vũ trang**
- B. Lực lượng vũ trang
- C. Bạo lực tổng hợp
- D. Lực lượng quân sự

Câu 23. Nguồn gốc trực tiếp nảy sinh chiến tranh theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là:

- A. **Nguồn gốc xã hội**
- B. Nguồn gốc giai cấp
- C. Nguồn gốc mâu thuẫn
- D. Nguồn gốc chính trị

Câu 24. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tính chất xã hội của chiến tranh là:

- A. **Chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa**
- B. Chiến tranh đi ngược lại lịch sử phát triển của loài người
- C. Chiến tranh cách mạng và chiến tranh phản cách mạng
- D. Chiến tranh là hiện tượng lịch sử của xã hội loài người

Câu 25. Thái độ của chúng ta đối với chiến tranh là:

- A. **Ủng hộ chiến tranh chính nghĩa, phản đối chiến tranh phi nghĩa**
- B. Phản đối chiến tranh quân sự, ủng hộ chiến tranh giải phóng
- C. Ủng hộ chiến tranh chống áp bức, phản đối chiến tranh xâm lược
- D. Phản đối chiến tranh phản cách mạng, ủng hộ chiến tranh cách mạng

Câu 26. Tư tưởng Hồ Chí Minh xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là:

- A. **Độc lập dân tộc và CNXH**

- B. Độc lập tự do, thống nhất đất nước
C. Chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc
D. Tự do độc lập và CNXH
- Câu 27. Một trong những nhiệm vụ của Quân đội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:
A. Thiết thực tham gia lao động sản xuất góp phần xây dựng CNXH
B. Tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước cho nhân dân
C. Giúp đỡ nhân dân sản xuất, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc
D. Làm nông cốt phát triển kinh tế-xã hội cho địa phương nơi đóng quân
- Câu 28. Hồ Chí Minh khẳng định mục đích cuộc chiến tranh của dân ta chống thực dân Pháp xâm lược là:
A. Bảo vệ độc lập, chủ quyền và thống nhất đất nước
B. Bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ, bảo vệ tổ quốc
C. Bảo vệ đất nước và chống ách đô hộ của thực dân, đế quốc
D. Bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ độc lập
- Câu 29. Quân đội ta mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân đương thời có:
A. Tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc
B. Tính quần chúng nhân dân sâu sắc
C. Tính văn hóa dân tộc phong phú
D. Tính truyền thống dân tộc phổ biến
- Câu 30. Quan hệ của chiến tranh đối với chính trị:
A. Chiến tranh là một bộ phận, một phương tiện của chính trị
B. Chiến tranh là một phương tiện không lệ thuộc chính trị
C. Chiến tranh là một bộ phận nằm ngoài chính trị
D. Chiến tranh chi phối quá trình hoạt động của chính trị
- Câu 31. Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc XHCN theo tư tưởng Hồ Chí Minh là:
A. Sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước, kết hợp với sức mạnh thời đại
B. Sức mạnh của lực lượng vũ trang nhân dân, sức mạnh an ninh nhân dân
C. Sức mạnh của toàn dân, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt
D. Sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, cả nước và sức mạnh quốc phòng toàn dân
- Câu 32. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh nhất thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng để:
A. Giành chính quyền và giữ chính quyền
B. Xóa bỏ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới
C. Trấn áp bọn phản động, xây dựng chế độ mới
D. lật đổ chế độ cũ, thành lập chế độ mới
- Câu 33. Bản chất của chiến tranh theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin là:
A. Sự tiếp tục của chính trị bằng biện pháp bạo lực
B. Kế tục mục tiêu chính trị bằng nhiều thủ đoạn
C. Thủ đoạn để đạt được mục tiêu chính trị
D. Biện pháp bạo lực gắn liền với thủ đoạn chính trị
- Câu 34. Một trong những nguyên tắc cơ bản xây dựng Quân đội kiểu mới của Lênin là:
A. Xây dựng quân đội chính quy
B. Xây dựng quân đội kỷ luật
C. Xây dựng quân đội vững vàng
D. Xây dựng quân đội chất lượng
- Câu 35. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã chứng minh một cách khoa học về nguồn gốc ra đời của quân đội, vì vậy quân đội chỉ mất đi khi:

A. Giai cấp, nhà nước và những điều kiện sinh ra nó tiêu vong

- B. Không còn đối kháng, không còn chiến tranh và nghèo đói
- C. Không còn nghèo đói, lạc hậu, áp bức, bóc lột bị tiêu vong
- D. Xã hội hoàn toàn dân chủ, không còn nhà nước thống trị

Câu 36. Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN:

A. Mang tính cách mạng và khoa học sâu sắc

- B. Là con đường giải phóng nhân dân thế giới
- C. Mang tính cách mạng sâu sắc, triệt để
- D. Là cơ sở để tiến hành chiến tranh giải phóng

Câu 37. Để có sức mạnh bảo vệ Tổ quốc XHCN, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng:

A. Xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

- B. Xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân hùng hậu
- C. Xây dựng trận địa quốc phòng toàn dân, an ninh toàn dân vững chắc
- D. Phát triển kinh tế với xây dựng và củng cố căn cứ địa vững chắc

Câu 38. Cơ sở để quân đội trung thành với nhà nước, giai cấp tổ chức, nuôi dưỡng và sử dụng nó là:

A. Bản chất giai cấp của nhà nước

- B. Đường lối quan điểm chính trị
- C. Đường lối, quan điểm quân sự
- D. Bản chất chế độ kinh tế-xã hội

Câu 39. Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang cách mạng của:

A. Giai cấp công nhân và quần chúng lao động Việt Nam

- B. Nhà nước nhân dân và giai cấp nông dân Việt Nam
- C. Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân Việt Nam
- D. Nhà nước vô sản và nhân dân lao động Việt Nam

Câu 40. “Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc là độc lập dân tộc và CNXH, là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi công dân” là một trong những nội dung của:

A. Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

- B. Nối tiếp truyền thống anh hùng bất khuất chống giặc ngoại xâm của dân tộc
- C. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và CNXH ở Việt Nam
- D. Truyền thống dân tộc trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước

Câu 41. “Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc chày, gậy gộc...” đó là lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến:

A. Chống thực dân Pháp xâm lược

- B. Chống quân Tưởng xâm lược
- C. Chống đế quốc Mỹ xâm lược
- D. Chống quân Pôn Pốt xâm lược

Câu 42. “Chiến tranh là một hiện tượng chính trị-xã hội” là một trong những nội dung của:

A. Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh

- B. Lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh
- C. Quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin về quân sự
- D. Tư tưởng Ăng ghen về chiến tranh, quân đội

Câu 43. Lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước” đã thể hiện rõ:

A. Tính tất yếu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

- B. Tính khách quan, khoa học của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

C. Tính tất yếu không thể thay đổi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

D. Tính khách quan, chủ quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam

Câu 44. Trong thời đại ngày nay, chiến tranh có những thay đổi về phương thức tác chiến, vũ trang bị nhưng chiến tranh vẫn là:

A. Sự tiếp tục chính trị của các nhà nước và giai cấp nhất định

B. Thực hiện âm mưu thôn tính các nước khác của các nước lớn

C. Sự tiếp tục mục tiêu đối ngoại của nhà nước và giai cấp nhất định

D. Tiếp tục thực hiện ý đồ xâm lược của giai cấp thống trị nhất định

Câu 45. Yếu tố quan trọng nhất để tạo nên sức mạnh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN:

A. Đại đoàn kết toàn dân tộc

B. Cả nước cùng chung sức

C. Tất cả các dân tộc đoàn kết

D. Cả nước cùng đùm bọc lòng

Câu 46. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: chiến tranh có thể kéo dài:

A. 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa

B. 10 năm, 15 năm, 25 năm hoặc lâu hơn nữa

C. 5 năm, 10 năm, 15 năm hoặc lâu hơn nữa

D. 10 năm 20 năm, 30 năm hoặc lâu hơn nữa

Câu 47. Trong kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Ta chỉ giữ gìn non sông, đất nước ta, chỉ chiến đấu cho quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc, còn thực dân Pháp thì:

A. Mong ắt cướp nước ta, mong bắt dân ta làm nô lệ

B. Xâm lược nước ta, bóc lột, thống trị nhân dân ta

C. Mong thôn tính nước ta, mong bắt ta làm nô lệ

D. Thôn tính nước ta để bóc lột, vơ vét tài nguyên

Câu 48. Trong chế độ cộng sản nguyên thủy, đã xuất hiện những cuộc xung đột vũ trang nhưng không phải là những cuộc chiến tranh mà chỉ là một dạng:

A. Lao động thời cổ

B. Xung đột lao động

C. Lao động nhất thời

D. Xung đột sản xuất

Câu 49. Chức năng cơ bản của quân đội để quốc là phương tiện quân sự chủ yếu để đạt mục đích chính trị:

A. Tiến hành chiến tranh xâm lược và duy trì quyền thống trị

B. Thực hiện chiến tranh xâm lược và thống trị các nước khác

C. Phát động chiến tranh xâm lược các nước, thống trị thế giới

D. Tiến hành xâm lược, thôn tính các nước, làm bá chủ toàn cầu

Câu 50. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, quân đội vẫn còn tồn tại chừng nào vẫn còn:

A. Chế độ tư hữu, chế độ áp bức bóc lột

B. Mâu thuẫn lợi ích của mọi người

C. Chế độ thống trị của giai cấp bóc lột

D. Tồn tại những bất công, nghèo đói

Câu 51. Bản chất giai cấp của quân đội theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở để quân đội:

A. Trung thành với nhà nước, giai cấp đã tổ chức ra nó

B. Trở thành công cụ của giai cấp, nhà nước sinh ra nó

C. Trung thành với giai cấp đã chăm lo nuôi dưỡng nó

D. Chiến đấu vì mục đích của giai cấp nuôi dưỡng nó

Câu 52. Để thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng phải hướng dẫn, giám sát các đơn vị thực hiện:

A. Công tác Đảng, công tác chính trị

B. Giáo dục chính trị, tư tưởng, văn hóa

C. Công tác Đảng, công tác tư tưởng

D. Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống

Câu 53. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là Đảng Cộng sản Việt Nam:

A. Lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

B. Chỉ huy sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

C. Kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân đứng lên bảo vệ Tổ quốc

D. Chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Câu 54. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ Tổ quốc XHCN là phải tăng cường:

A. Tàn lực quốc phòng gắn với phát triển kinh tế xã hội

B. Xây dựng quân đội gắn với phát triển kinh tế xã hội

C. Thể trận quốc phòng gắn với các chính sách xã hội

D. Xây dựng quân đội gắn với hợp tác kinh tế quốc tế

Câu 55. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin khẳng định một trong những nguồn gốc xuất hiện và tồn tại của chiến tranh là sự xuất hiện và tồn tại:

A. Của giai cấp và đối kháng giai cấp

B. Của các tôn giáo và tín ngưỡng

C. Mâu thuẫn của các tập đoàn người

D. Mâu thuẫn giữa các dân tộc

Câu 56. Một trong những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về bảo vệ Tổ quốc XHCN là:

A. Đảng cộng sản lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

B. Nhân dân lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

C. Lực lượng vũ trang lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

D. Nhà nước lãnh đạo mọi mặt sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

Câu 57. Quan hệ của chính trị đối với chiến tranh:

A. Chính trị chi phối và quyết định toàn bộ tiến trình và kết cục của chiến tranh

B. Chính trị chi phối toàn bộ quá trình và quyết định một thời đoạn của chiến tranh

C. Chính trị là một bộ phận quyết định mục tiêu của toàn bộ cuộc chiến tranh

D. Chính trị chi phối toàn bộ nhưng không làm gián đoạn quá trình chiến tranh

Câu 58. Hồ Chí Minh khẳng định sự ra đời của QĐND Việt Nam là một:

A. Tất yếu có tính quy luật trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc ở Việt Nam

B. Hiện tượng ngẫu nhiên trong quá trình cách mạng, giải phóng dân tộc Việt Nam

C. Sự kiện trong lịch sử chống giặc ngoại xâm dựng nước và giữ nước ở Việt Nam

D. Hiện tượng tự phát do đòi hỏi cấp thiết của chiến tranh cách mạng ở Việt Nam

Câu 59. Nội dung thể hiện Tư tưởng Hồ Chí Minh về kháng chiến phải dựa vào sức mình là chính:

A. Phải đem sức ta mà giải phóng cho ta, đồng thời phải hết sức tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của quốc tế

B. Ta phải tự đứng lên kháng chiến với tất cả khả năng của dân tộc để mưu cầu tự do, hạnh phúc cho nhân dân

C. Kháng chiến là để giải phóng cho ta nên chúng ta phải tự làm lấy dưới sự lãnh đạo của Đảng

cộng sản Việt Nam

D. Cả nước đồng lòng, đứng lên để giành độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức, bóc lột

Câu 60. Chiến tranh có thể làm thay đổi đường lối, chính sách, nhiệm vụ cụ thể, thậm chí có thể còn thay đổi cả thành phần lực lượng lãnh đạo chính trị trong các bên tham chiến, bởi vì:

A. Chiến tranh là sự tiếp tục của chính trị, là kết quả phản ánh những cố gắng cao nhất của chính trị

B. Chiến tranh quyết định chính trị, tác động mạnh mẽ làm thay đổi những vấn đề lớn của chính trị

C. Chiến tranh chỉ phớt đến sự phát triển của chính trị, tác động mạnh mẽ làm chính trị biến đổi

D. Chiến tranh là cơ sở để chính trị luôn luôn tồn tại, thực hiện mục đích của mình và phát triển

Câu 61. Lời kêu gọi “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc ...hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc ...” của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện rõ tư tưởng:

A. Chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta là chiến tranh nhân dân

B. Chiến tranh chống thực dân Pháp là chiến tranh chính nghĩa cách mạng

C. Chiến tranh tự vệ chính nghĩa chống xâm lược, giải phóng dân tộc

D. Đoàn kết toàn thể đồng bào trong nước để tiến hành chiến tranh

Câu 62. “Quân đội tham gia vận động quần chúng nhân dân xây dựng cơ sở chính trị-xã hội vững mạnh; giúp nhân dân phòng chống thiên tai, giải quyết khó khăn trong sản xuất và đời sống; tuyên truyền vận động nhân dân hiểu rõ và chấp hành đúng đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước” là thực hiện chức năng của:

A. Đội quân công tác

B. Đội quân dân vận

C. Đội quân tuyên truyền

D. Đội quân vận động

Câu 63. Quân đội nhân dân Việt Nam ra đời và trưởng thành luôn gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng, với các cuộc chiến tranh giải phóng và:

A. Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN

B. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

C. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

D. Chủ quyền biên giới, biển đảo quốc gia

Câu 64. Để có được bản chất giai cấp công nhân, trải qua những năm tháng phục vụ trong quân đội cán bộ chiến sĩ không ngừng được rèn luyện, tu dưỡng, nâng cao giác ngộ cách mạng nên đã chuyển từ:

A. Lập trường giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp công nhân

B. Tình thân yêu nước, yêu quê hương sang giác ngộ giai cấp công nhân

C. Giác ngộ cách mạng lên giác ngộ ý thức vô sản của giai cấp công nhân

D. Lập trường giai cấp xuất thân sang lập trường giai cấp cách mạng

Câu 65. Trong xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội, Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm đến:

A. Giáo dục, nuôi dưỡng các phẩm chất cách mạng, bản lĩnh chính trị

B. Chăm lo giáo dục tinh thần dân tộc, truyền thống vẻ vang của đất nước

C. Giáo dục ý thức trách nhiệm, bản lĩnh chiến đấu kiên cường, bất khuất

D. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giáo dục ý chí chiến đấu

Câu 66. Tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

A. Ý chí quyết tâm giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc

B. Giành độc lập dân tộc và phải giữ vững nền độc lập dân tộc ấy

C. Ý chí độc lập dân tộc và quyền được hưởng tự do độc lập

D. Giải độc lập tự do, dân chủ, bình đẳng và bảo vệ dân tộc

Câu 67. Đối với Quân đội nhân dân Việt Nam, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” là một mẫu hình mới của:

A. Con người mới XHCN trong quân đội kiểu mới

B. Người công dân anh dũng trong dân tộc anh hùng

C. Chiến sỹ XHCN trong quân đội nhân dân kiểu mới

D. Công dân XHCN trong quân đội nhân dân

BÀI 3 (70 Câu)

Câu 1. Về vị trí của nền QPTD, ANND, Đảng ta khẳng định: luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh coi đó là:

- A. **Nhiệm vụ chiến lược**
- B. Nhiệm vụ quan trọng
- C. Nhiệm vụ hàng đầu
- D. Nhiệm vụ trọng tâm

Câu 2. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là:

- A. **Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN**
- B. Xây dựng phát triển kinh tế và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc
- C. Bảo vệ tổ quốc XHCN và xây dựng CNXH
- D. Bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng thành công CNXH

Câu 3. Một trong những đặc trưng của nền QPTD, ANND là nền quốc phòng, an ninh:

- A. **Vì dân, của dân và do nhân dân tiến hành**
- B. Bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân
- C. Mang tính giai cấp, nhân dân sâu sắc
- D. Do nhân dân xây dựng, mang tính nhân dân sâu sắc

Câu 4. Sức mạnh của nền QPTD, ANND ở nước ta là:

- A. **Sức mạnh của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại**
- B. Sức mạnh do các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học
- C. Sức mạnh tổng hợp do nhiều lực lượng tạo thành
- D. Sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong nước

Câu 5. Một trong những nội dung xây dựng thể trận QPTD, ANND là:

- A. **Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp cải tạo địa hình với xây dựng hạ tầng**
- B. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với chủ động tiến công tiêu diệt địch
- C. Tổ chức phòng thủ dân sự, kết hợp với hệ thống điểm tựa vững chắc
- D. Tổ chức phòng thủ quân sự, kết hợp với các biện pháp chống địch tiến công

Câu 6. Quá trình hiện đại hóa nền QPTD, ANND phải gắn liền với:

- A. **Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**
- B. Tiềm lực khoa học công nghệ của nước ta
- C. Hiện đại hóa nền kinh tế nước nhà
- D. Hiện đại hóa quân sự, an ninh đất nước

Câu 7. Mục đích xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh là để:

- A. **Tạo thế chủ động cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**
- B. Tạo ra cơ sở vật chất, nâng cao đời sống cho lực lượng vũ trang
- C. Tạo ra tiềm lực quân sự để phòng thủ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc
- D. Tạo được môi trường hòa bình để phát triển kinh tế đất nước

Câu 8. Để xây dựng nền QPTD, ANND hiện nay, chúng ta phải:

- A. **Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh**
- B. Thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm của mọi người
- C. Tăng cường vai trò của các tổ chức quần chúng
- D. Phát huy vai trò của các cơ quan đoàn thể và của công dân

Câu 9. Một trong những nội dung xây dựng QPTD, ANND là:

- A. **Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh**
- B. **Xây dựng nền dân chủ XHCN**

- C. Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị
D. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc
- Câu 10. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh là:
A. **Tì ần lực chính trị tinh th ần**
B. Đại đoàn kết toàn dân tộc
C. Vai trò lãnh đạo của Đảng
D. Tì ần lực kinh tế
- Câu 11. Tì ần lực quốc phòng, an ninh được thể hiện:
A. Trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội
B. Trên tất cả mọi hoạt động của các địa phương
C. Trong tất cả mọi hoạt động quốc phòng, an ninh
D. Trong quá trình củng cố quốc phòng và an ninh
- Câu 12. Việc tạo ra sức mạnh quốc phòng, an ninh không chỉ ở sức mạnh quân sự, an ninh mà phải huy động được:
A. **Sức mạnh của toàn dân về mọi mặt**
B. Sức mạnh vật chất của toàn xã hội
C. Sức mạnh tinh th ần của mọi người
D. Sức mạnh của các cấp, các ngành
- Câu 13. Sức mạnh của n ền QPTD, ANND ở nước ta là sức mạnh tổng hợp được tạo thành bởi:
A. Rất nhi ều yếu tố của dân tộc và của thời đại
B. Tinh th ần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường
C. Giữ vững được hòa bình, ổn định đất nước
D. Rất nhi ều yếu tố thực tiễn lịch sử, hiện tại
- Câu 14. “Chính trị tinh th ần” là yếu tố quyết định thắng lợi:
A. **Trên chiến trường**
B. Trong chiến tranh
C. Trong cuộc chiến
D. Trên mọi mặt trận
- Câu 15. N ền QPTD, ANND của nước ta, thực chất là:
A. **Sức mạnh quốc phòng, an ninh của đất nước**
B. Khả năng quốc phòng, an ninh của đất nước
C. Tì ần lực quốc phòng, an ninh của đất nước
D. N ền tảng quốc phòng, an ninh của đất nước
- Câu 16. Để xây dựng n ền QPTD, ANND vững mạnh chúng ta phải kết hợp xây dựng về mọi mặt, trong đó phải kết hợp chặt chẽ:
A. **Phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh**
B. Phát triển lực lượng vũ trang nhân dân với phát triển kinh tế xã hội
C. Phát triển kinh tế, xã hội với an ninh tư tưởng, văn hóa và đối ngoại
D. Phát triển các quân binh chủng hải hòa với kinh tế, văn hóa, xã hội
- Câu 17. Nhiệm vụ cơ bản xây dựng n ền QPTD, ANND là:
A. **Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc**
B. Chuẩn bị cho Tổ quốc đối phó thành công với các tình huống, lực lượng xâm hại
C. Gắn kết chặt chẽ các thành phần kinh tế với các thành phần quốc phòng, an ninh
D. Xây dựng lực lượng quân sự, an ninh vững mạnh chuẩn bị cho chiến tranh
- Câu 18. Cơ chế lãnh đạo, chỉ huy xây dựng n ền QPTD, ANND là:
A. **Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý đi ầu hành, quân đội, công an làm tham mưu**

- B. Đảng chỉ đạo, Nhà nước quản lý đi đầu hành, quốc phòng, an ninh đề xuất
 C. Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Bộ Quốc phòng chỉ huy, đi đầu hành
 D. Nhà nước chỉ đạo, Đảng lãnh đạo, quân đội, công an làm tham mưu
- Câu 19. Cơ sở để xây dựng thể trận QPTD là:
 A. Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng
 B. Truyền thống đánh giặc của ông cha ta
 C. Sự xuất hiện của chiến tranh kiểu mới
 D. Thay đổi của cục diện trên thế giới
- Câu 20. Nền QPTD, ANND ở nước ta được xây dựng trên nền tảng tư tưởng:
 A. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
 B. Tư tưởng quân sự Việt Nam, chủ nghĩa Mác-Lênin
 C. Chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền thống chống ngoại xâm
 D. Tư tưởng Hồ Chí Minh, thực tiễn quốc phòng thế giới
- Câu 21. “Nền QPTD, ANND được xây dựng toàn diện và từng bước hiện đại” là một trong những nội dung của:
 A. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
 B. Đặc điểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
 C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
 D. Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- Câu 22. Lực lượng quốc phòng, an ninh của nền QPTD, ANND gồm có:
 A. Lực lượng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân
 B. Lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân
 C. Lực lượng toàn dân và lực lượng dự bị động viên
 D. Lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, công an
- Câu 23. Một trong những đặc trưng của nền QPTD, ANND là:
 A. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với nền an ninh nhân dân
 B. Nền quốc phòng toàn dân gắn chặt với, sự đoàn kết của toàn dân
 C. Nền quốc phòng, an ninh kết hợp truyền thống với hiện đại
 D. Nền quốc phòng, an ninh dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại
- Câu 24. Tầm lực chính trị tinh thần trong nội dung xây dựng nền QPTD, ANND là khả năng về chính trị tinh thần:
 A. Có thể huy động được để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
 B. Của xã hội để tự vệ chống lại mọi thủ đoạn kẻ thù xâm lược
 C. Của quân đội để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
 D. Có thể huy động được trong nhân dân để chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc
- Câu 25. Một trong những nội dung xây dựng thể trận QPTD, ANND là:
 A. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)
 B. Phát triển lực lượng gắn với các vùng dân cư
 C. Xây dựng công trình quốc phòng, an ninh vững chắc
 D. Phát triển vùng dân cư gắn với các trận địa phòng thủ
- Câu 26. “Nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân cho sinh viên trong xây dựng nền QPTD, ANND” là một trong những nội dung của:
 A. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
 B. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh ngày càng vững mạnh
 C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
 D. Phương pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 27. “Nền QPTD, ANND chỉ có mục đích duy nhất là tự vệ chính đáng” là nội dung của:

- A. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Vị trí nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Đặc điểm nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 28. Tầm lực quốc phòng, an ninh là:

- A. Khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- B. Khả năng về con người, của cải vật chất có thể huy động để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- C. Khả năng về lực lượng, vũ khí trang bị có thể huy động phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh
- D. Khả năng về tài chính, phương tiện kỹ thuật có thể huy động thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

Câu 29. “Phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với vùng kinh tế trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước” là một nội dung của:

- A. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Xây dựng tiềm lực kinh tế của quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 30. Trong xây dựng tiềm lực quốc phòng an ninh, tiềm lực chính trị tinh thần là:

- A. Nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh của quốc phòng, an ninh
- B. Nhân tố chủ yếu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh
- C. Yếu tố hàng đầu tạo nên sức mạnh quốc phòng, an ninh
- D. Yếu tố quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

Câu 31. Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của nền QPTD, ANND là:

- A. Tạo nên khả năng về khoa học công nghệ của quốc gia để khai thác phục vụ quốc phòng, an ninh
- B. Tạo nên khả năng về vũ khí trang bị kỹ thuật để phòng thủ đất nước
- C. Tạo nên khả năng huy động đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh
- D. Tạo ra khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào quốc phòng, an ninh

Câu 32. “Nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên nền tảng nhân lực, vật lực, tinh thần mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường” là nội dung của:

- A. Khái niệm nền quốc phòng toàn dân
- B. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân
- C. Đặc trưng nền quốc phòng toàn dân
- D. Quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Câu 33. Tầm lực kinh tế trong nội dung xây dựng tiềm lực QPTD, ANND là điểu kiện:

- A. Tạo sức mạnh vật chất cho nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Vật chất bảo đảm cho xây dựng lực lượng vũ trang và thế trận quốc phòng
- C. Để phát triển nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện đại
- D. Tạo nên thế trận chiến tranh toàn dân và trận địa an ninh nhân dân

Câu 34. “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, trách nhiệm triển khai thực hiện của cơ quan, tổ chức và nhân dân đối với xây dựng nền QPTD, ANND” là một nội dung của:

- A. Biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

C. Yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

D. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 35. Trong xây dựng nền quốc phòng, an ninh, tiềm lực tạo sức mạnh vật chất cho nền QPTD, ANND, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác, đó là:

A. **Tiềm lực kinh tế**

B. Tiềm lực khoa học

C. Tiềm lực chính trị

D. Tiềm lực quân sự

Câu 36. “Năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước; ý chí quyết tâm của nhân dân, của các lực lượng vũ trang nhân dân sẵn sàng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc” là biểu hiện của:

A. **Tiềm lực chính trị, tinh thần**

B. Ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc

C. Sự vững mạnh về quốc phòng, an ninh

D. Tiềm lực quân sự, an ninh

Câu 37. Một trong những nội dung xây dựng thể trận QPTD, ANND là phân vùng chiến lược về quốc phòng, an ninh kết hợp với:

A. **Vùng kinh tế, dân cư**

B. Bảo toàn lực lượng

C. Quy hoạch dân cư

D. Phương án phòng thủ

Câu 38. “Tạo sức mạnh tổng hợp của đất nước cả về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ để giữ vững hòa bình, ổn định, đẩy lùi, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô” là nội dung của:

A. **Mục đích xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

B. Đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

C. Vị trí của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

D. Nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 39. Sức mạnh tổng hợp của nền QPTD, ANND là cơ sở, là nền tảng và là biện pháp để nhân dân ta:

A. **Đánh thắng kẻ thù xâm lược**

B. Giữ vững độc lập dân tộc

C. Thống nhất đất nước

D. Xây dựng CNXH

Câu 40. Để bảo đảm thể trận QPTD, ANND vững chắc, cần phải có sự gắn kết chặt chẽ:

A. **Kinh tế-xã hội với QPAN**

B. Quan hệ đối ngoại với quốc phòng, an ninh

C. Kinh tế với, an ninh và trật tự, an toàn xã hội

D. Kinh tế, chính trị với quan hệ đối ngoại

Câu 41. Nhiệm vụ cơ bản trong xây dựng QPTD, ANND:

A. Xây dựng lực lượng quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN

B. Chuẩn bị lực lượng quốc phòng, an ninh chu đáo để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN

C. Xây dựng sức mạnh toàn diện, gắn kết chặt chẽ các thành phần kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

D. Xây dựng các lực lượng quốc phòng, an ninh vững mạnh, chuẩn bị cho chiến tranh nhân dân

Câu 42. Xây dựng nền QPTD, ANND là xây dựng:

A. **Lực lượng, tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

B. Cơ sở vật chất và công trình phòng thủ của quốc phòng, an ninh

C. Nhân lực, vật lực và tài chính để bảo đảm quốc phòng, an ninh toàn dân

D. Lực lượng vũ trang và tổ chức phòng thủ của n ền quốc phòng toàn dân

Câu 43. "Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc" là nội dung của:

A. **Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần**

B. Xây dựng nhân tố chính trị, tinh thần

C. Xây dựng sức mạnh chính trị, tinh thần

D. Xây dựng lực lượng chính trị, tinh thần

Câu 44. Tiềm lực quân sự, an ninh là biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của đất nước, giữ vai trò:

A. **Nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc**

B. Quyết định để bảo vệ Tổ quốc

C. Quan trọng để bảo vệ Tổ quốc

D. Cần thiết để bảo vệ Tổ quốc

Câu 45. Sức mạnh quốc phòng của đất nước được xây dựng trên n ền tảng:

A. **Nhân lực, vật lực, tinh thần**

B. Con người, vật chất, tinh thần

C. Nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật

D. Chính trị tinh thần, cơ sở vật chất

Câu 46. Tập trung đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng n ền kinh tế độc lập, tự chủ là nội dung cần tập trung trong xây dựng:

A. **Tiềm lực kinh tế**

B. Sức mạnh kinh tế

C. Công nghiệp quốc phòng

D. Tiềm lực quốc phòng

Câu 47. Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) sẽ tạo n ền tảng cho:

A. **Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

B. Thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

C. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh

D. Xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ then chốt

Câu 48. Nội dung giáo dục quốc phòng, an ninh cho mọi đối tượng, trong đó giáo dục âm mưu, thủ đoạn của địch nhằm làm cho mọi người, mọi tổ chức:

A. **Biết tự bảo vệ trước sự chống phá của các thế lực thù địch**

B. Nhận rõ bộ mặt kẻ thù để lên án chủ nghĩa đế quốc, phản động

C. Biết được bản chất của kẻ thù để phòng tránh có hiệu quả

D. Nhận diện đối tượng tác chiến để tự bảo vệ bản thân, tổ chức

Câu 49. Nhiệm vụ của các tổ chức, doanh nghiệp trong xây dựng n ền QPTD, ANND là:

A. **Thực hiện đúng các quy định của pháp luật**

B. Ủng hộ vật chất, tinh thần cho lực lượng vũ trang

C. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh

D. Cử người tham gia vào lực lượng vũ trang

Câu 50. Xây dựng thế trận QPTD, ANND chúng ta phải gắn kết:

A. **Thế trận kinh tế với thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân**

B. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân với ngoại giao

- C. Thế trận quân sự, an ninh, đối ngoại với thế trận phòng thủ dân sự
D. Phòng thủ dân sự với thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- Câu 51. Xây dựng nền QPTD, ANND ở nước ta được triển khai thực hiện:
A. Trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội
B. Trên tất cả các địa phương trong cả nước
C. Trong tất cả các Bộ, ngành, các tổ chức xã hội
D. Trên mọi hoạt động của kinh tế, xã hội, đối ngoại
- Câu 52. Giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng QPTD, ANND là:
A. Lực lượng vũ trang nhân dân
B. Lực lượng quân đội nhân dân
C. Lực lượng dân quân tự vệ
D. Lực lượng an ninh nhân dân
- Câu 53. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội là một trong những nội dung:
A. Xây dựng tìn lực chính trị, tinh thần của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
B. Của tìn lực quân sự, an ninh của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
C. Kêu gọi toàn dân thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
D. Xây dựng ý chí quyết tâm của nhân dân, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, xã hội
- Câu 54. Xây dựng tìn lực kinh tế của nền QPTD, ANND chúng ta phải thường xuyên:
A. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường QPAN
B. Phát triển hài hòa kinh tế-xã hội quốc gia với kinh tế - quốc phòng, an ninh
C. Kết hợp kinh tế-xã hội của đất nước với phát triển công nghiệp quốc phòng
D. Phát triển tìn lực kinh tế với tìn lực quân sự, an ninh và các tìn lực khác
- Câu 55. Trong xây dựng nền QPTD, ANND, nền quốc phòng toàn dân phải gắn chặt với nền an ninh nhân dân, bởi vì:
A. Quốc phòng, an ninh cùng chung mục đích chống thù trong, giặc ngoài để BVTQ
B. An ninh luôn luôn gắn bó với quốc phòng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam
C. QPAN cùng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng, an ninh toàn dân
D. An ninh luôn đi cùng quốc phòng, tạo đi ều kiện cho quốc phòng nhân dân phát triển mạnh mẽ
- Câu 56. Xây dựng nền QPTD, ANND là tạo ra:
A. Sức mạnh và khả năng bảo vệ Tổ quốc
B. Lực lượng tổng hợp để bảo vệ Tổ quốc
C. Sức mạnh của đất nước để đánh bại kẻ thù
D. Lực lượng vũ trang hùng mạnh để đánh bại kẻ thù
- Câu 57. Tính cơ động của nền kinh tế đất nước trong mọi đi ều kiện hoàn cảnh là nội dung của xây dựng:
A. Tìn lực kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
B. Sức mạnh kinh tế của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
C. Khả năng kinh tế của đất nước khi tiến hành chiến tranh xảy ra
D. Đi ều kiện kinh tế của đất nước trong đi ều kiện chiến tranh
- Câu 58. Trong xây dựng tìn lực quốc phòng, an ninh, tìn lực biểu hiện tập trung, trực tiếp sức mạnh quân sự, an ninh của đất nước, giữ vai trò nòng cốt để bảo vệ Tổ quốc là:
A. Tìn lực quân sự, an ninh
B. Tìn lực chính trị, tinh thần
C. Tìn lực kinh tế, xã hội
D. Tìn lực chính trị, quân sự

Câu 59. Thế trận quốc phòng, an ninh là:

- A. Sự tổ chức, bố trí lực lượng, tiềm lực mọi mặt của đất nước và của toàn dân trên toàn bộ lãnh thổ theo yêu cầu của quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Sự sắp xếp, bố trí lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất, tài chính trên phạm vi cả nước theo yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- C. Sự chuẩn bị toàn diện mọi mặt của đất nước từ trung ương đến các địa phương trên phạm vi cả nước đáp ứng yêu cầu phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- D. Sự chuẩn bị đầy đủ nhân lực, vật lực, tài chính, triển khai bố trí lực lượng, tổ chức phòng thủ dân sự theo yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN

Câu 60. "Sở lực, chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cơ sở vật chất kỹ thuật có thể huy động phục vụ cho QPAN và năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học có thể đáp ứng nhu cầu QPAN" là nội dung biểu hiện của:

- A. Tiềm lực khoa học, công nghệ của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Tiềm lực kinh tế, xã hội của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- C. Tiềm lực kỹ thuật quân sự của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- D. Tiềm lực khoa học quân sự của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

Câu 61. "Thường xuyên thực hiện giáo dục quốc phòng, an ninh" là một biện pháp nhằm:

- A. Tác động tích cực và trực tiếp đến nhận thức về nhiệm vụ QP, AN của nhân dân
- B. Tác động tích cực và trực tiếp đến trình độ dân trí về bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ
- C. Tác động mạnh mẽ đến ý chí tinh thần của cả hệ thống chính trị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
- D. Tác động trực tiếp đến nhận thức, tinh thần và ý chí quyết tâm của lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ

Câu 62. Một trong những nội dung về tăng cường giáo dục QPAN cho toàn dân là:

- A. Giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, chế độ XHCN
- B. Giáo dục về bản chất hiếu chiến, xâm lược của chủ nghĩa đế quốc
- C. Giáo dục lòng căm thù giặc, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc
- D. Giáo dục lòng trung thành, ý chí quyết tâm chiến đấu

Câu 63. Để tạo nền tảng cho thế trận QPTD, ANND chúng ta phải chú trọng xây dựng:

- A. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố)
- B. Khu vực quân sự, an ninh vững chắc
- C. Khu vực phòng thủ dân sự và quân sự
- D. Khu vực phòng thủ quân sự then chốt

Câu 64. Xây dựng tiềm lực kinh tế đất nước là điều kiện, là cơ sở để tạo sức mạnh vật chất cho:

- A. Nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Các lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Chiến tranh nhân dân trong tương lai
- D. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Câu 65. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh là tạo ra sức mạnh để:

- A. Ngăn ngừa, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu, hành động xâm hại đến mục tiêu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chống lại mọi kẻ thù xâm lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- C. Giữ gìn hòa bình, hội nhập thế giới thực hiện thắng lợi mọi mục tiêu, nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- D. Đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, tạo môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam XHCN

Câu 66. Cơ sở, tiền đề và là biện pháp để chúng ta đánh thắng kẻ thù xâm lược, đó là:

- A. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân
- B. Yếu tố chính trị, tinh thần để chúng ta đối phó với kẻ thù xâm lược
- C. Tầm lực vật chất, vũ khí trang bị của lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Sức mạnh của lực lượng vũ trang kết hợp với sức mạnh thời đại

Câu 67. Xây dựng thế trận QPTD, ANND vững chắc phải theo yêu cầu của:

- A. Quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
- B. Quân sự, an ninh, chiến tranh toàn dân, toàn diện bảo vệ đất nước
- C. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
- D. Phát triển quốc phòng, an ninh, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Câu 68. Để xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh, chúng ta phải:

- A. Kết hợp sức mạnh của nhiều yếu tố
- B. Liên minh quân sự với các nước khác
- C. Độc lập tự chủ phát triển kinh tế, xã hội
- D. Phát triển kinh tế, giữ vững hòa bình

Câu 69. Xây dựng nền QPTD, ANND vững mạnh, phải thường xuyên giáo dục QPAN cho:

- A. Mọi đối tượng
- B. Cán bộ lãnh đạo
- C. Thanh niên, sinh viên
- D. Học sinh phổ thông

Câu 70. Để thường xuyên thực hiện giáo dục giáo dục QPAN có hiệu quả, chúng ta phải:

- A. Vận dụng nhiều hình thức, phương pháp giáo dục, tuyên truyền
- B. Tổ chức nhiều lớp học cho các đối tượng, tầng lớp nhân dân
- C. Vận dụng đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền, giáo dục
- D. Kết hợp tổ chức giáo dục với tuyên truyền khắp mọi nơi, mọi lúc

